

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

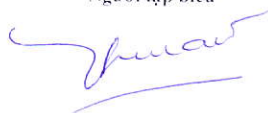
(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ III - NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý III/2016	Quý III/2015	Năm 2016	Năm 2015
I	2	3	4	5	6	7
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		511.245.659.169	194.845.259.000	1.118.312.366.042	928.869.073.212
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(491.417.505.230)	(189.246.091.560)	(1.071.719.259.667)	(907.051.281.010)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.331.402.050)	(5.037.638.870)	(12.931.917.469)	(12.768.401.948)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0	(2.280.000)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.585.587.856)	(1.845.965.895)	(9.709.161.047)	(6.111.599.736)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.076.637.317	6.518.505.529	22.149.627.112	12.222.615.734
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.726.107.227)	(5.689.295.983)	(22.572.689.228)	(11.451.654.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.261.694.123	(455.227.779)	23.526.685.743	3.708.751.644
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(82.490.000)	(142.580.000)	(844.662.272)	(2.375.208.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.273	5.000.000.000	72.727.273	5.003.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	(35.000.000.000)	(23.000.000.000)	(41.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0	15.000.000.000	13.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	(1.250.001)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	6.958.390.022	9.120.380
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.828.431.148	3.772.740.696	15.535.225.429	11.323.783.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.181.331.579)	(26.369.839.304)	13.720.430.451	(13.339.304.972)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0	0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0	3.000.000.000	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	(3.000.000.000)	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.032.760.015)	(2.693.420.000)	(10.668.583.765)	(5.357.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.032.760.015)	(2.693.420.000)	(10.668.583.765)	(5.357.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(15.952.397.471)	(29.518.487.083)	26.578.532.429	(14.987.883.328)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		156.859.354.912	81.697.836.986	114.328.425.012	67.167.233.231
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		140.906.957.441	52.179.349.903	140.906.957.441	52.179.349.903

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ KIM NGÂN

